

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 08/2005/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 26 tháng 1 năm 2005

THÔNG TƯ

Hướng dẫn Chế độ tài chính áp dụng đối với Khu Thương mại và Công nghiệp thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, tỉnh Tây Ninh

Căn cứ vào Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Khuyến khích đầu tư trong nước ngày 20/5/1998, Luật Đầu tư nước ngoài ngày 12/11/1996, Luật Đầu tư nước ngoài (sửa đổi) ngày 09/6/2000, các Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế Giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt ngày 17/6/2003; Luật Hải quan số 29/2001-QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Quyết định số 144/2004/QĐ-TTg ngày 12/8/2004 của Thủ tướng Chính phủ về bổ sung một số chính sách ưu đãi đối với Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, tỉnh Tây Ninh;

Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính áp dụng tại Khu Thương mại và Công nghiệp thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi áp dụng:

Chế độ tài chính quy định tại Thông tư này được áp dụng trong phạm vi địa bàn Khu Thương mại - Công nghiệp thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài (sau đây gọi tắt là KTM-CN) được thành lập theo Quyết định 1595/2002/QĐ-UB ngày 30/9/2002 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu thương mại đô thị cửa khẩu Mộc Bài, tỉnh Tây Ninh;

Trong Thông tư này cụm từ "nội địa Việt Nam" được hiểu là phần còn lại của Khu Kinh tế cửa khẩu Mộc Bài không bao gồm KTM-CN và phần lãnh thổ nước Việt Nam

ngoài Khu Kinh tế cửa khẩu Mộc Bài.

2. Đối tượng áp dụng:

Đối tượng áp dụng các chính sách ưu đãi về tài chính quy định tại Thông tư này là các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh tại KTM-CN thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, bao gồm:

a) Các nhà đầu tư trong nước thuộc các thành phần kinh tế hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp Nhà nước, Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, các hộ kinh doanh cá thể và các cá nhân hành nghề độc lập.

b) Các tổ chức, cá nhân nước ngoài bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; nhà đầu tư nước ngoài tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh; người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoạt động theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi), Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài kinh doanh không theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Chỉ các hoạt động kinh doanh được tiến hành trên địa bàn KTM - CN mới được hưởng các ưu đãi dành cho địa bàn KTM-CN quy định tại Thông tư này. Trường hợp các tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh cả trên địa bàn KTM - CN và trong nội địa Việt Nam thì phải hạch toán riêng các hoạt động kinh doanh trên địa bàn KTM - CN làm căn cứ xác định chế độ ưu đãi.

Đối với các doanh nghiệp được cấp giấy phép hoạt động trong KTM-CN trước ngày Quyết định 144/2004/QĐ-TTg có hiệu lực mà chưa hưởng đủ ưu đãi, doanh nghiệp phải đề nghị cơ quan cấp giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ghi ưu đãi bổ sung làm căn cứ để hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định tại Thông tư này.

3. Điều kiện áp dụng:

KTM - CN được hưởng các chế độ ưu đãi về tài chính quy định tại Thông tư này khi bảo đảm đồng thời các điều kiện sau:

- Có hàng rào cứng bảo đảm cách ly các hoạt động trong KTM-CN với các khu chức năng khác trong Khu kinh tế cửa khẩu;

- Trong KTM-CN không có khu dân cư, không có dân cư cư trú thường xuyên hoặc tạm trú (kể cả người nước ngoài);
- Có Trạm Kiểm soát hải quan để giám sát, kiểm tra người, hàng hoá và các phương tiện vào và ra KTM-CN.

4. Một số quy định chung về hải quan:

- Các tổ chức kinh tế hoạt động trong KTM-CN được xuất khẩu ra nước ngoài và nhập khẩu từ nước ngoài tất cả các hàng hoá, dịch vụ mà pháp luật Việt Nam không cấm.
- Quan hệ trao đổi hàng hoá, dịch vụ giữa KTM-CN với các khu chức năng khác trong Khu kinh tế cửa khẩu (gọi tắt là KKTCK) và nội địa Việt Nam phải tuân theo các quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu, nhập khẩu.
- Các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nội địa Việt Nam chỉ được nhập từ KTM-CN những hàng hoá, dịch vụ mà Việt Nam không cấm nhập khẩu, xuất khẩu vào KTM-CN những hàng hoá, dịch vụ mà Việt Nam không cấm xuất khẩu và chịu sự kiểm tra, giám sát của Hải quan.
- Cục Hải quan tỉnh Tây Ninh được thành lập các trạm kiểm soát hải quan KTM-CN tại các cổng ra - vào KTM-CN. Các trạm hải quan KTM-CN chịu sự quản lý trực tiếp của Chi cục hải quan cửa khẩu Mộc Bài.
- Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc loại hình nào thì áp dụng quy trình thủ tục hải quan hiện hành đối với loại hình đó.
- Cơ quan hải quan chịu trách nhiệm trực tiếp về công tác phòng, chống buôn lậu trên địa bàn hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan và có trách nhiệm phối hợp với các ban ngành liên quan trong công tác phòng, chống buôn lậu theo chỉ đạo của UBND tỉnh Tây Ninh.

5. Tổ chức, cá nhân đầu tư vào KTM - CN được hưởng ưu đãi tối đa dành cho các dự án đầu tư ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 12 tháng 11 năm 1996, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 9 tháng 6 năm 2000, Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) ngày 20 tháng 5 năm 1998,

Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế giá trị gia tăng và các ưu đãi theo điều ước quốc tế, các hợp đồng thương mại song phương và đa phương mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

6. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định các mức ưu đãi khác nhau về cùng một vấn đề thì được áp dụng mức ưu đãi quy định tại văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định về cùng một vấn đề do cùng một cơ quan ban hành mà có quy định khác nhau thì áp dụng quy định của văn bản được ban hành sau.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

A. Đối với hàng hoá và dịch vụ:

1. Về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:

a) Hàng hoá, dịch vụ từ nước ngoài, từ nội địa nhập vào KTM-CN được miễn thuế nhập khẩu.

b) Hàng hoá, dịch vụ từ KTM-CN nhập vào nội địa Việt Nam:

- Hàng hoá, dịch vụ có xuất xứ từ nước ngoài nộp thuế nhập khẩu theo quy định hiện hành.

- Hàng hoá sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại KTM-CN nếu phần giá trị hàng hoá xuất xứ ASEAN chiếm từ 40% trở lên, được xác nhận bằng giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá ASEAN - Mẫu D và đủ điều kiện theo quy định tại Thông tư số 64/2003/TT-BTC ngày 01/7/2003 về việc ban hành Danh mục hàng hoá và thuế suất của Việt Nam để thực hiện Hiệp định ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của các nước ASEAN cho năm 2003-2006 thì được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi CEPT khi nhập vào nội địa Việt Nam.

- Hàng hoá sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại KTM-CN nếu không sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài, khi nhập khẩu vào nội địa Việt Nam không phải nộp thuế nhập khẩu.

- Hàng hoá sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại KTM-CN có sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài, khi nhập khẩu vào nội địa Việt Nam chỉ phải nộp

thuế nhập khẩu đối với phần nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài cấu thành trong hàng hoá đó.

Căn cứ để xác định thuế nhập khẩu phải nộp đối với phần nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài cấu thành trong hàng hoá nhập vào nội địa Việt Nam gồm:

+ Giá trị từng loại nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu cấu thành trong mỗi đơn vị hàng hoá (được tính bằng giá nhập khẩu từ nước ngoài (CIF) hoặc giá trên thị trường nội địa của nguyên liệu, linh kiện cùng loại (đơn vị tính VND) nhân với định mức tiêu hao của từng loại nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu trong mỗi đơn vị hàng hoá do đơn vị xây dựng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của định mức tiêu hao này).

+ Số lượng hàng hoá nhập khẩu vào nội địa Việt Nam,

+ Thuế suất thuế nhập khẩu đối với từng loại nguyên liệu, linh kiện.

Doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm đăng ký với cơ quan Hải quan về danh mục hàng hoá nhập khẩu sử dụng làm nguyên liệu sản xuất hàng nhập khẩu vào nội địa trước khi nhập vào nội địa.

c) Hàng hoá sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại KTM-CN khi xuất khẩu ra nước ngoài được miễn thuế xuất khẩu.

d) Hàng hoá thuộc diện chịu thuế xuất khẩu từ nội địa Việt Nam đưa vào KTM-CN phải nộp thuế xuất khẩu theo quy định hiện hành.

2. Về thuế tiêu thụ đặc biệt:

- Hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được sản xuất, tiêu thụ trong KTM-CN không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, bao gồm: hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được sản xuất, cung ứng và tiêu thụ trong KTM-CN; từ nước ngoài nhập vào KTM-CN.

- Hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt từ KTM-CN xuất khẩu ra nước ngoài không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt từ KTM-CN nhập vào nội địa Việt Nam phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng nhập khẩu theo quy định hiện hành.